

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đình Lập đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Đình Lập đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 305/BC-SXD ngày 31/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đình Lập đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô, thời hạn lập quy hoạch

1.1. Phạm vi ranh giới: toàn bộ địa giới hành chính của huyện Đình Lập, với tổng diện tích tự nhiên là 118.954,87ha, phạm vi ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Lộc Bình và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây - Trung Quốc;

- Phía Đông giáp huyện Bình Liêu và huyện Tiên Yên - tỉnh Quảng Ninh,

- Phía Tây Nam giáp huyện Sơn Động - tỉnh Bắc Giang,

- Phía Nam giáp huyện Ba Chẽ - tỉnh Quảng Ninh.

1.2. Quy mô, thời hạn lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích: 118.954,87ha.

- Quy mô dân số hiện trạng năm 2023: 29.481 người.

- Quy mô dự báo dân số:

+ Đến năm 2030: dân số trong khu vực đạt khoảng 36.500 người.

+ Đến năm 2040: Dân số trong khu vực đạt khoảng 47.000 người.

- Thời hạn lập quy hoạch:

+ Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030.

+ Giai đoạn dài hạn đến năm 2040.

+ Tầm nhìn định hướng đến năm 2050.

2. Mục tiêu, tính chất chức năng quy hoạch

2.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Lạng Sơn. Phát huy thế mạnh về vị trí chiến lược của huyện, các tiềm năng về công nghiệp, thương mại dịch vụ, văn hóa, sinh thái và cảnh quan để tạo ra bước tăng trưởng kinh tế, nâng cao vai trò vị thế của huyện.

- Nghiên cứu đề xuất mô hình phát triển không gian đô thị - nông thôn vùng huyện, xác định tính chất quy mô của hệ thống đô thị, lập kế hoạch cải tạo nâng cấp, xây mới, phân loại đô thị... trên cơ sở khai thác lợi thế riêng của huyện Đình Lập thúc đẩy phát triển ngành kinh tế mũi nhọn.

- Đề xuất phân bố không gian phát triển vùng chức năng, hệ thống hạ tầng xã hội, tổ chức phát triển giao thông và phân bố các công trình hạ tầng kỹ thuật, tổ chức môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn.

- Bảo vệ môi trường, di sản văn hóa - lịch sử, cảnh quan thiên nhiên. Giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa địa phương.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch khu chức năng tạo tiền đề thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn huyện.

2.2. Tính chất

- Là trung tâm kinh tế xã hội vùng Đông Nam tỉnh, phát triển về công nghiệp, lâm nghiệp, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và phát triển du lịch.

- Là đầu mối giao thông quan trọng cửa ngõ phía Đông Nam của tỉnh, có ý nghĩa chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh, quốc phòng.

- Là nơi có tiềm năng phát triển về lâm nghiệp và chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và phát triển thương mại, du lịch dần trở thành những ngành kinh tế quan trọng.

- Là địa bàn chiến lược về bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh.

3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

3.1. Kinh tế - xã hội

- Cơ cấu giá trị sản xuất đến năm 2025: Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm khoảng 41,5%; Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 33,1%; Ngành dịch vụ chiếm khoảng 25,4%.

- Cơ cấu giá trị sản xuất đến năm 2030: Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm khoảng 38,0%; Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 35,0%; Ngành dịch vụ chiếm khoảng 27,0%.

- Cơ cấu giá trị sản xuất đến năm 2040: Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm khoảng 30,0%; Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 40,0%; Ngành dịch vụ chiếm khoảng 34,2%.

3.2. Dự báo phát triển dân số

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của huyện dự kiến là 0,09%/năm, xem xét động lực phát triển đô thị với các yếu tố nội và ngoại lực đã nêu có thể dự đoán mức tăng dân số cơ học của huyện là 1,66-2,2%/năm (có tính đến yếu tố hình thành các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch).

- Đến năm 2030: dân số trong khu vực sẽ đạt khoảng 36.500 người, trong đó dân số đô thị khoảng 11.000 người. Tỷ lệ tăng dân số 2,20%/năm.

- Đến năm 2040: dân số trong khu vực sẽ đạt khoảng 47.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 17.000 người. Tỷ lệ tăng dân số là 1,66%/ năm.

3.3. Dự báo quy hoạch sử dụng đất

- Đến năm 2030: dự báo đất xây dựng đô thị khoảng 300 - 400ha bình quân 260m²/người. Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 800 - 950ha, bình quân đạt khoảng 350m²/người.

- Đến năm 2040: dự báo đất xây dựng đô thị khoảng 450 - 600ha bình quân 250m²/người. Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 1000 - 1.200ha, bình quân đạt khoảng 360m²/người.

3.4. Tỷ lệ đô thị hóa

- Tỷ lệ đô thị hóa hiện trạng năm 2023 khoảng 22,24%.
- Đến năm 2030: Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 30,14%.
- Đến năm 2040: Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 36,17%.

3.5. Lao động

- Lực lượng lao động hiện trạng năm 2023 chiếm 65,47% tổng dân số.
- Dự báo lao động đến năm 2030 gồm: Lao động nông nghiệp, thủy sản chiếm khoảng 65%; Lao động công nghiệp – xây dựng chiếm khoảng 10%; Lao động dịch vụ, thương mại chiếm khoảng 25%.
- Dự báo lao động đến năm 2040 gồm: Lao động nông nghiệp, thủy sản chiếm khoảng 55%; Lao động công nghiệp – xây dựng chiếm khoảng 15%; Lao động dịch vụ, thương mại chiếm khoảng 30%.
- Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng - QCVN 01:2021/BXD, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành.

4. Định hướng phát triển không gian vùng

4.1. Cấu trúc, mô hình phát triển không gian vùng: Mô hình phát triển vùng theo cấu trúc 02 đô thị trung tâm và 2 trục hành lang phát triển, cụ thể:

a) Đô thị trung tâm:

- Đô thị thị trấn Đình Lập là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ; là đầu mối giao thông cửa ngõ phía Đông Nam tỉnh Lạng Sơn có ý nghĩa chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng.
- Đô thị thị trấn Nông trường Thái Bình là trung tâm kinh tế xã hội, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, nông, lâm nghiệp của khu vực phía Tây huyện Đình Lập, đóng vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và các xã lân cận.

b) Trục hành lang phát triển:

- Trục hành lang bám dọc theo tuyến Quốc lộ 4B theo hướng từ Tây sang Đông Nam đi qua trung tâm thị trấn Đình Lập, khu du lịch sinh thái hồ Khuổi In và các khu cụm công nghiệp, kết nối huyện Đình Lập với huyện Lộc Bình và tỉnh Quảng Ninh. Thuận lợi trong phát triển công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch và dịch vụ hỗ trợ cho các khu, cụm công nghiệp.
- Trục hành lang bám dọc theo Quốc lộ 31 theo hướng từ Bắc xuống Nam đi qua trung tâm thị trấn Đình Lập, thị trấn Nông trường Thái Bình và khu du lịch Hồ Pắc Làng, là trục kết nối huyện Đình Lập với huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang. Thuận lợi phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch.

4.2. Phân vùng kiểm soát phát triển: hình thành 03 vùng phát triển trên cơ

sở dựa theo địa giới hành chính và tính chất, chức năng đặc trưng của từng khu vực, dựa trên khả năng đô thị hóa, ngưỡng phát triển đô thị và đặc trưng sản xuất từng khu vực.

- Vùng phát triển phía Bắc bao gồm xã Bính Xá, xã Bắc Xa và xã Kiên Mộc, có quy mô diện tích khoảng 45.808,62 ha.

- Vùng phát triển khu trung tâm 2 bên Quốc lộ 4B bao gồm xã Đình Lập, thị trấn Đình Lập, xã Cường Lợi, xã Châu Sơn và xã Bắc Lãng, có quy mô diện tích khoảng 37.178,10ha.

- Vùng phát triển phía Nam bao gồm xã Thái Bình, thị trấn Nông trường Thái Bình, xã Lâm Ca, xã Đồng Thắng, có quy mô diện tích khoảng 35.968,14ha.

4.3. Định hướng phát triển không gian: hình thành 02 khu vực đô thị thuộc huyện bao gồm:

a) Khu vực phát triển 1 (Đô thị thị trấn Đình Lập):

- Phạm vi: thị trấn Đình Lập và một phần diện tích xã Đình Lập.

- Tính chất: là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hoá, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ; là đầu mối giao thông của ngõ phía Đông Nam tỉnh Lạng Sơn.

- Quy mô: 1.572,0ha.

- Dân số: đến năm 2030 khoảng 7.000 người; đến năm 2040 khoảng 10.000 người.

- Định hướng phát triển đô thị: định hướng thị trấn Đình Lập mở rộng là trung tâm huyện lỵ và là đô thị loại V-Thị trấn (giai đoạn 2021-2030).

b) Khu vực phát triển 2 (đô thị Nông Trường Thái Bình):

- Phạm vi: thị trấn Nông trường Thái Bình và một phần diện tích xã Thái Bình, xã Cường Lợi.

- Tính chất: là trung tâm kinh tế xã hội, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, nông lâm nghiệp của khu vực phía Tây huyện Đình Lập, đóng vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và các xã lân cận.

- Quy mô: 1.160,3ha.

- Dân số: đến năm 2030 khoảng 4.000 người; đến năm 2040 khoảng 7.000 người.

- Định hướng phát triển đô thị: định hướng thị trấn Nông Trường Thái Bình mở rộng là đô thị loại V.

4.4. Định hướng phát triển dân cư nông thôn

- Năm 2024: xây dựng nông thôn mới xã đặc biệt khó khăn (xã Đồng Thắng).

- Năm 2025: phấn đấu trở thành huyện nông thôn mới theo Bộ tiêu chí

quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 320/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- Năm 2030: phấn đấu đạt tiêu chí hướng tới huyện nông thôn mới nâng cao.

- Tập trung xây dựng và đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới. Tập trung chỉ đạo hoàn thiện các tiêu chí huyện và xã đạt chuẩn nông thôn mới củng cố, nâng cao cơ sở hạ tầng kinh tế, đảm bảo vệ sinh môi trường, xây dựng khu dân cư sáng, xanh sạch, đẹp... tăng cường tuyên truyền, huy động các nguồn lực, vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Các điểm dân cư mới hình thành được bố trí theo quy hoạch gần trục giao thông (quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện, đường liên xã, liên thôn) gắn với các dự án, các công trình kinh tế công nghiệp.

- Không gian nông thôn phù hợp với định hướng chung của các vùng; đảm bảo phát triển bền vững, gìn giữ cảnh quan truyền thống, tạo dựng môi trường sống thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất.

- Khu dân cư nông thôn truyền thống: kiểm soát phát triển đảm bảo được giữ được không gian định cư truyền thống về mật độ xây dựng, về tầng cao và mật độ xây dựng, mật độ cư trú; đồng thời bảo vệ được không gian nông, lâm nghiệp xung quanh.

- Khu dân cư nông thôn phát triển mới: phát triển các khu dân cư nông thôn có quy mô phù hợp với nhu cầu phát triển đất ở của dân cư nông thôn. Khai thác hiệu quả các quỹ đất xen kẽ, phát triển các khu dân cư nông thôn đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo các quỹ đất công cộng phục vụ dân cư.

4.5. Định hướng các khu vực bảo vệ, hạn chế phát triển

- Các khu vực hành lang thoát lũ sông, suối; hành lang bảo vệ nguồn nước được thực hiện theo dự án riêng.

- Các khu di tích văn hóa lịch sử quan trọng: lập danh mục cụ thể, xác định các giá trị và quy định ranh giới bảo tồn làm cơ sở định hướng cho hoạt động xây dựng, bảo vệ các di tích theo Luật Bảo tồn di sản.

- Khu vực an ninh, quốc phòng: hạn chế chuyển đổi mục đích sử dụng các quỹ đất an ninh quốc phòng, việc xây dựng tại khu vực này và các khu vực phụ cận được thỏa thuận với cơ quan có liên quan thống nhất theo quy định.

5. Định hướng quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội

5.1. Hệ thống trụ sở hành chính

- Trụ sở hành chính được đầu tư kang trang đồng bộ theo mô hình hợp khối, cơ quan hành chính cấp xã nâng cấp và điều chỉnh vị trí đáp ứng tiêu chí đô thị loại V.

- Việc quy hoạch cụ thể thực hiện theo các đồ án quy hoạch xây dựng tại từng đô thị.

5.2. Hệ thống giáo dục

- Hoàn thiện, nâng cấp các cơ sở giáo dục; quy mô giáo dục phát triển hợp lý.

- Phát triển quy mô, xây mới cải tạo nâng cấp mạng lưới trường lớp đến năm 2030 có 38 trường (Cấp mầm non 13 trường; Tiểu học 11 trường; THCS 08; trường liên cấp TH&THCS 03 trường; PTDTNT THCS&THPT 01 trường; 01 Trung tâm GDNV-GDTC; 01 trường THPT. Trường đạt chuẩn Quốc gia: 20 trường). Đến năm 2050: phấn đấu 100% các trường học đạt chuẩn quốc gia.

5.3. Hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe

Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu công tác của khoa kiểm soát nhiễm khuẩn; cải tạo xây mới khoa khám bệnh và một số hạng mục khác.

5.4. Hệ thống văn hóa – thể thao

- Xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao huyện đạt quy mô tiêu chuẩn cấp huyện (quy mô tổng diện tích 7,2 ha, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, gồm sân vận động, các công trình văn hóa, thể thao, thương mại dịch vụ, cây xanh...); xây mới thư viện huyện tại thị trấn Đình Lập (quy mô dự kiến khoảng 500m²); nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa thôn, khu phố.

- Giai đoạn 2031 – 2050: đầu tư xây dựng sân golf Đình Lập 1 tại xã Cường Lợi (quy mô 18 lỗ, diện tích khoảng 93,0ha) và sân golf Đình Lập 2 tại xã Thái Bình (quy mô 18 lỗ, diện tích khoảng 115,0ha).

5.5. Hệ thống dịch vụ thương mại, chợ

- Quy hoạch cụm các công trình dịch vụ thương mại cấp đô thị tại khu vực cửa ngõ, trung tâm đô thị, dọc các trục đường hướng tâm và vành đai quan trọng, giao lộ của các tuyến đường... để phục vụ nhu cầu dịch vụ thương mại.

- Hệ thống các công trình thương mại, chợ cấp huyện, cấp đô thị và xã nông thôn được xác định cụ thể theo các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng nông thôn và các quy hoạch xây dựng và đáp ứng với các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng.

- Đề xuất xây mới chợ nông sản khu vực thuận tiện kết nối giao thông, đáp ứng nhu cầu giao thương phát triển mũi nhọn kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện.

5.6. Hệ thống an sinh xã hội: xây dựng mới cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tại thị trấn Đình Lập (quy mô khoảng 7.000m²).

6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Định hướng phát triển giao thông

a) Giao thông đường bộ: xây dựng hoàn thiện mạng lưới đường giao thông quốc gia qua địa bàn huyện Đình Lập theo quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ

2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đường cao tốc: cao tốc Tiên Yên - Lạng Sơn - Cao Bằng (CT.10) gồm 02 phân đoạn:

+ Phân đoạn Tiên Yên - Đồng Đăng (Lạng Sơn): chiều dài khoảng 100,0km, quy mô 4 làn xe. Giai đoạn đầu tư sau 2030.

+ Phân đoạn Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng): chiều dài khoảng 115,0km, quy mô 4 làn xe. Giai đoạn đầu tư trước 2030.

- Quốc lộ 4B:

+ Nâng cấp đoạn tuyến Quốc lộ 4B (QL.4B) đi qua huyện Đình Lập có chiều dài khoảng 41,0km, quy mô 4 làn xe (đường cấp III).

+ Xây dựng mới tuyến tránh Quốc lộ 4B.

- Quốc lộ 31:

+ Nâng cấp đoạn tuyến Quốc lộ 31 (QL.31) đi qua huyện Đình Lập có chiều dài khoảng 61,0km, quy mô 2-4 làn xe (đường cấp III-IV).

+ Xây dựng mới tuyến tránh Quốc lộ 31.

- Đường tỉnh:

+ Duy tu bảo trì đoạn tuyến ĐT.237 đi qua huyện Đình Lập có chiều dài khoảng 3,0km, quy mô 2 làn xe (đường cấp V).

+ Nâng cấp xây dựng tuyến ĐT.246 có chiều dài khoảng 43,0km, quy mô 2-4 làn xe (đường cấp IV-V).

+ Nâng cấp xây dựng tuyến ĐT.247 có chiều dài khoảng 14,7km, quy mô 2-4 làn xe (đường cấp IV).

+ Nâng cấp xây dựng tuyến ĐT.249 có chiều dài khoảng 39,0km, quy mô 2 làn xe (đường cấp V).

+ Nâng cấp xây dựng tuyến ĐT.249B có chiều dài khoảng 10,5km, quy mô 2 làn xe (đường cấp III).

+ Nâng cấp xây dựng tuyến đường tỉnh QH.13 có chiều dài khoảng 6,5km, quy mô 2-4 làn xe (đường cấp III-IV).

- Đường huyện:

+ Nâng cấp các tuyến đường huyện hiện có, hình thành mới các tuyến có tính kết nối quốc lộ, tỉnh lộ, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV-V, các đoạn đi qua đô thị được xây dựng theo quy hoạch đô thị.

+ Một số tuyến đường huyện xây dựng mới và nâng cấp đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV (nâng cấp từ đường xã) gồm: ĐH.44B; ĐH.40; ĐH.48; ĐH.48A; ĐH.41A; ĐH.40A

- Hệ thống đường giao thông nông thôn: xây dựng hệ thống đường nông

thôn có quy mô kỹ thuật đường huyện, liên huyện cơ bản đạt cấp V-VI; các đường khác đạt loại A, B, C - GTNT.

- Đường tuần tra biên giới: duy tu bảo dưỡng đường hiện trạng đảm bảo mục tiêu an ninh quốc phòng.

- Hệ thống giao thông đô thị: quy hoạch xây mới, cải tạo mở rộng các tuyến kết nối hệ thống đường cao tốc, tuyến quốc lộ với các trung tâm đô thị. Xây dựng các trục giao thông đối ngoại, các trục chính đô thị, mạng lưới đường gom và đường nội bộ.

b) Công trình phục vụ giao thông

- Bến bãi đỗ xe:

+ Xây dựng mới bến xe huyện Đình Lập: quy mô bến xe loại 3, diện tích $\geq 5.000m^2$.

+ Xây dựng mới bến xe thị trấn Nông trường Thái Bình: quy mô bến xe loại 4, diện tích $\geq 2.000m^2$.

+ Quy hoạch các bãi xe tải: quy mô từ 1-2ha/khu.

+ Xây dựng mới bãi đỗ xe tại các đô thị thị trấn Đình Lập, thị trấn Nông Trường Thái Bình, khu du lịch, di tích. Diện tích đất giao thông tính đạt 3-5% diện tích đất xây dựng.

+ Định hướng xây dựng trạm dừng nghỉ với quy mô, vị trí phù hợp cạnh đường cao tốc Tiên Yên – Đồng Đăng.

- Cầu vượt sông: xây dựng mới các cầu vượt sông, kênh, quy mô theo cấp hạng đường quy hoạch.

c) Quy hoạch vận tải hành khách công cộng

- Duy trì tuyến vận tải hành khách liên tỉnh trên tuyến Quốc lộ 4B và Quốc lộ 31.

- Bổ sung các tuyến xe vận tải hành khách kết nối với các huyện trong tỉnh Lạng Sơn.

d) Quy hoạch các điểm đầu nối và hành lang bảo vệ an toàn đường bộ

- Các tuyến đường quốc lộ: thực hiện theo quy hoạch duyệt riêng.

- Các tuyến đường tỉnh: tuân thủ Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

6.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

a) Định hướng công trình thủy lợi và phòng chống lũ

- Giai đoạn đến năm 2025:

+ Định hướng đầu tư xây dựng mới: 30 công trình (trong đó: 30 công trình đập, kiên cố hóa 42,3 km nương).

+ Định hướng đầu tư sửa chữa, nâng cấp: 30 công trình (trong đó, 15 công trình đập, 30 km mương).

+ Đầu tư nâng cấp, sửa chữa hồ Khe Khoang xã Cường Lợi.

- Giai đoạn 2026 - 2030:

+ Đầu tư xây dựng mới hồ chứa Khe Púng xã Đình Lập, quy mô thiết kế 30,0 ha.

+ Đầu tư xây dựng mới hồ chứa Khuổi Luông xã Đình Lập, quy mô thiết kế 50,0ha.

+ Đầu tư xây dựng mới hồ chứa Nà Ý xã Châu Sơn, quy mô thiết kế 13,0ha.

+ Đầu tư xây dựng mới hồ chứa Nà Khu xã Lâm Ca, quy mô thiết kế 12,0ha.

+ Đầu tư xây dựng mới hồ chứa Bản Chắt, quy mô thiết kế 13,0ha.

+ Đầu tư xây dựng mới tuyến mương Khe Pặn – Nà Liệt xã Châu Sơn, quy mô thiết kế 12,0ha.

b) Định hướng cao độ nền

- Khu vực hiện trạng: các khu vực hiện trạng đã xây dựng tập trung mật độ cao giữ nguyên cao độ nền xây dựng. San nền cục bộ đối với một số khu vực xen cây, mật độ còn thưa thoáng.

- Khu vực xây mới: khảo sát tối đa địa hình, địa chất tự nhiên, cân bằng đào đắp khi thực hiện dự án. Bố trí công trình phụ trợ trong trường hợp cần thiết.

c) Định hướng thoát nước mưa

- Hướng thoát:

+ Khu vực thị trấn Đình Lập, thị trấn Nông trường Thái Bình: sử dụng hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải riêng biệt, hướng thoát về sông Lục Nam.

- Khu, cụm công nghiệp tập trung: sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt nước thải, thoát ra các kênh tiêu quanh khu công nghiệp, sau cùng tiêu ra sông Lục Nam, sông Nặm Luông.

+ Các khu vực dân cư nông thôn xen kẽ và xây dựng mới: sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng kết hợp thoát nước mưa riêng, hướng thoát về các suối, sông chính gần nhất, trước khi thoát ra các sông chính là sông Kỳ Cùng, Lục Nam, Đồng Khuy, Nặm Luông.

- Lưu vực: chia phân tán theo từng lưu vực nhỏ, mỗi lưu vực ứng với trục tiêu chính gần nhất, đảm bảo nước mặt được tiêu thoát một cách nhanh chóng và thuận lợi nhất.

6.3. Định hướng cấp nước

a) Nhu cầu cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước: 2030: 6.800m³/ngđ, 2040: 15.500m³/ngđ. Nguồn nước: sử dụng nguồn nước chính từ sông Kỳ Cùng, Năm Luông, Lục Nam, Đồng Khuy.

- Các công trình đầu mối:

+ Nhà máy nước Đình Lập: cải tạo nâng công suất giai đoạn 2030 lên 4.500 m³/ngđ; Giai đoạn 2040 lên 14.000 m³/ngđ.

+ Nhà máy nước Nông Trường Thái Bình: cải tạo nâng công suất giai đoạn 2030 lên 800 m³/ngđ; Giai đoạn 2040 lên 1.600 m³/ngđ.

- Đến năm 2030 xây dựng mới nhà máy nước CCN Bắc Lãng: công suất 1.500 m³/ngđ.

- Quy mô công suất, vị trí của các nhà máy nước được tính toán, xác định cụ thể trong các quy hoạch và dự án đầu tư xây dựng ở các bước tiếp theo.

b) Công tác phòng cháy và chữa cháy

Đối với khu vực có hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước sạch đến có đường kính ống D>110mm cần bố trí họng cứu hỏa tại các vị trí thuận lợi.

c) Khoảng cách ly bảo vệ nguồn nước

- Đối với điểm lấy nước trên sông Kỳ Cùng: khu vực bảo vệ cấp I khoảng cách từ điểm lấy nước về phía thượng lưu tối thiểu là 200m, về phía hạ lưu tối thiểu là 100m. Khu vực bảo vệ cấp II khoảng cách từ điểm lấy nước về phía thượng lưu tối thiểu là 1.000m, về phía hạ lưu tối thiểu là 250m.

- Đối với hồ Pắc Làng: khu vực bảo vệ cấp I xung quanh điểm lấy nước ít nhất 100m; Khu vực bảo vệ cấp II là toàn bộ ranh giới hồ.

- Đối với các nhà máy nước: trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý phải xây tường rào bảo vệ bao quanh.

6.4. Định hướng cấp điện

a) Nhu cầu phụ tải: giai đoạn đến năm 2030: 39,72MW (tương đương 44,13 MVA). giai đoạn dài hạn đến năm 2040: 100,37MW (tương đương 111,52 MVA).

b) Nguồn điện: lấy từ hệ thống lưới điện quốc gia thông qua trạm 110/35/22 kV Cao Lộc (E13-8) 40MVA và từ Quảng Ninh sang qua lưới điện trung thế khoảng 3MW. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có các dự án điện áp mái nhà: Công ty cổ phần Chè Thái Bình Lạng Sơn với công suất 211 kWp; Công ty cổ phần Việt Quang với công suất 350 kWp đều tại Khu Đoàn Kết, thị trấn Nông Trường Thái Bình.

c) Lưới điện:

- Đến năm 2025 xây dựng mới trạm 220kV Lạng Sơn 1 công suất 1x250 MVA; đến năm 2030 nâng công suất trạm lên 2x250 MVA (theo quy hoạch điện VIII).

- Đến năm 2025 xây dựng mới TBA 110kV Đình Lập 40MVA; đến năm 2030 nâng công suất 2x40 MVA.

- Đến năm 2030 xây dựng mới trạm 500kV Lạng Sơn công suất 1.800 MVA (theo quy hoạch điện VIII).

- Năng lượng điện gió trên địa bàn huyện Đình Lập với tổng công suất 390 MW (Cụ thể các dự án: Đình Lập: 100MW; Đình Lập 1: 50MW; Đình Lập 1.1: 50MW, Đình Lập 4: 90MW; Đình Lập 5: 100MW).

- Hệ thống lưới cao thế: các tuyến 500kV và 220kV sẽ được thực hiện theo kế hoạch thực hiện quy hoạch điện VIII trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Hệ thống lưới trung thế: tiếp tục lấy điện từ TBA 110KV Cao Lộc. Đến năm 2025 thay đổi nguồn điện về TBA 110kV Đình Lập; cải tạo 02 tuyến trung thế hiện có, xây dựng mới thêm 02 tuyến trung thế phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, công cộng; giai đoạn 2040 xây dựng bổ sung 02 tuyến trung thế phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, công cộng.

- Hệ thống lưới hạ thế: sử dụng cấp điện áp 380/220V ba pha 4 dây trung tính nối đất trực tiếp. Khu trung tâm, lưới điện hạ thế phải đi ngầm; Khu chưa ổn định về quy hoạch có thể đi nổi bằng cáp vụn xoắn

d) Chiếu sáng

- Nguồn điện cấp cho chiếu sáng giao thông đối ngoại sử dụng trạm biến áp riêng. Nguồn điện cấp cho chiếu sáng giao thông khu vực có thể 1 lộ hạ thế riêng từ trạm biến áp hạ thế khu vực.

- Lưới điện chiếu sáng trong các khu đô thị dùng cáp ngầm sử dụng cáp ngầm XLPE tiết diện từ 16 – 25mm²; đối với khu hiện hữu, khu đồi núi có thể sử dụng cáp nổi.

6.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a) Thoát nước thải:

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt khu vực đô thị đến năm 2030 khoảng 2.300m³/ngđ; đến năm 2050 khoảng 3.500m³/ngđ. Tỷ lệ thu gom tối thiểu 80%; Tổng lượng nước thải công nghiệp: đến năm 2030 khoảng 3.600 m³/ngđ; đến năm 2050 khoảng 9.500 m³/ngđ. Tỷ lệ thu gom 100%.

- Xây dựng hệ thống thoát nước riêng đối với khu vực xây dựng mới, cải tạo mới; Bổ sung tuyến cống bao trên các trục đường chính, tách nước thải từ các mương, rãnh thoát nước đưa về hệ thống thu gom tập trung đối với khu vực dân cư hiện trạng cải tạo.

- Xây dựng các trạm xử lý thoát nước thải tại các thị trấn và các khu, cụm công nghiệp.

b) Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn

- Phân loại chất thải rắn tại nguồn; thực hiện thu gom, lưu giữ, vận chuyển

và xử lý chất thải rắn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trường hợp chất thải 3 rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường lẫn vào chất thải y tế lây nhiễm thì phải quản lý như đối với chất thải y tế lây nhiễm.

- Bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn cố định cỡ nhỏ cho mỗi đô thị và các trung tâm xã. Quy mô 500-1000m²/trạm. Công suất <100 Tấn/ngày, bán kính phục vụ 10km. Chất thải rắn được lưu giữ không quá 1 ngày sau đó vận chuyển về khu xử lý theo quy định của Tỉnh.

- Xây dựng mới 01 khu xử lý chất thải rắn công nghiệp tại khu công nghiệp Đình Lập 2 & logistics khoảng 10ha.

- Xây dựng 01 khu xử lý chất thải rắn thị trấn Đình Lập tại xã Đình Lập với diện tích khoảng 4,6ha.

c) Quản lý nghĩa trang

- Nhu cầu đất nghĩa trang đến năm 2030 là 1,5ha; đến năm 2040 là 1,9ha.

- Các khu nghĩa trang đô thị và nông thôn: thực hiện việc quản lý và xây dựng theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn. Khuyến khích hình thức hỏa táng theo chủ trương chung của tỉnh và nhà nước.

- Tôn tạo, cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ của huyện.

6.6. Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động

- Nhu cầu thông tin liên lạc (gồm thoại và internet) đến năm 2030 là 23.000 lines; đến năm 2040 là 41.000 lines.

- Nâng cấp trung tâm chuyển mạch chính. Xây mới các trạm vệ tinh tại các khu dân cư mới. Dự kiến cải tạo và nâng công suất trạm tổng đài hiện có tại thị trấn Đình Lập. Các tổng đài được nối với nhau theo dạng lưới. Xây dựng các chuyển mạch mới với công nghệ cao.

- Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, sử dụng đặt dọc theo trục đường, các khu đô thị nhằm nâng cao tính ổn định thông tin di động trong khu đô thị.

- Phát triển mạng lưới bưu chính trên cơ sở hoàn thiện hệ thống mã đến địa chỉ gắn với số bản đồ V-Map.

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

(Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này là căn cứ quản lý quy hoạch, triển khai các bước tiếp theo để cụ thể hóa đồ án quy hoạch xây dựng vùng được duyệt theo quy định.

2. UBND huyện Đình Lập tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, gửi hồ sơ quy hoạch cho các cơ quan liên quan để lưu trữ, quản lý và triển khai quy hoạch theo quy định; xây dựng kế hoạch triển khai quy hoạch, các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư đảm bảo tính khả thi và phù hợp

nguồn lực đầu tư của địa phương theo quy định.

2. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý, phối hợp với UBND huyện Đình Lập tổ chức quản lý, thực hiện các nội dung quy hoạch theo quy định, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai quy hoạch, đầu tư, xây dựng và các nội dung có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND huyện Đình Lập, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Đình Lập và thủ trưởng các cơ quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM,
Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(HVTr).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh